

ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN CỦA NGƯỜI KHMER Ở NAM BỘ: NHÌN TỪ SINH THÁI HỌC PHẬT GIÁO

Tóm tắt: Mối quan hệ giữa con người và môi trường được các học giả Phương Tây quan tâm từ thời cổ đại. Sử gia Hy Lạp, Herodotus đã ghi lại những biến đổi của môi trường dưới tác động của con người với quan niệm sự can thiệp ở phạm vi rộng lớn mà con người gây ra đối với tự nhiên sẽ chịu sự trừng phạt của Thượng Đế. Trong nghiên cứu văn hóa, môi trường tự nhiên luôn được chú trọng, vì nó có ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển văn hóa các tộc người, góp phần khu biệt văn hóa giữa vùng này với vùng khác. Nhận thấy tầm quan trọng của môi trường trong việc cân bằng sinh thái đối với đời sống con người, Phật giáo sớm chủ trương phát triển dung hòa tôn giáo với môi trường tự nhiên. Sự dung hòa này góp phần quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển nền văn hóa đặc sắc mang đậm nét tôn giáo truyền thống của người Khmer ở Nam Bộ.

Từ khóa: Người Khmer, Nam Bộ, sinh thái học Phật giáo, môi trường.

1. Quan điểm sinh thái học Phật giáo của người Khmer ở Nam Bộ

Sinh thái học tâm linh (Spiritual Ecology) là một chuyên ngành khoa học quan tâm đến mối quan hệ giữa tôn giáo và môi trường, xuất hiện cách đây vài thập niên. Đối tượng nghiên cứu của các nhà sinh thái học tâm linh thường là những cộng đồng nhỏ, biệt lập tương đối với thế giới bên ngoài. Những cộng đồng này vẫn thực hành thờ cúng truyền thống. Từ thập niên 90 của thế kỷ XX, sinh thái học tâm linh trở thành một hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu về biến đổi môi trường. Nó được coi là giải pháp đặc biệt hiệu quả trong việc bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì hệ sinh thái bền vững¹.

* TS., Khoa Văn hóa học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực tế ở Việt Nam và nhiều quốc gia khác trên thế giới cho thấy vai trò của tôn giáo trong việc bảo tồn môi trường tự nhiên. Năm 2004, Reed L. Wedley và Carol J. Pierce Colfer đã khảo cứu và liệt kê vai trò của thờ cúng bản địa trong việc bảo tồn các khu rừng thiêng ở vùng tây bán đảo Kalimantan, Indonesia². Theo hai tác giả này, sự thiêng hóa một số khu rừng ở đây có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn các loài động vật, đa dạng sinh học thông qua tạo dựng các quy ước cộng đồng đối với việc khai thác tài nguyên từ rừng, cụ thể thông qua săn bắn, hái lượm và canh tác³.

Đối với cộng đồng người Khmer ở Nam Bộ, sinh thái học Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên xung quanh chùa chiền và địa bàn cư trú. Sinh thái học Phật giáo dựa trên nền tảng triết lý của nhà Phật kết hợp nhuần nhuyễn với các hình thức thờ cúng truyền thống thông qua vai trò giáo dục cộng đồng của tầng lớp sư sãi. Phật giáo sử dụng hình thức thiêng hóa các yếu tố môi trường liên quan trực tiếp đến đời sống của con người và hoạt động sản xuất nông nghiệp bằng những nghi thức và Phật thoại. Phật giáo xem môi trường là ngôi nhà chung cho sự sống của muôn loài. Các yếu tố môi trường như cây cối, đất đai, nguồn nước,... đều do chư thiên cai quản. Nghiêm cấm lạm sát các loài sinh vật và tránh làm bẩn nguồn nước là hai trong số những quy ước của Phật giáo trong khuyến khích tín đồ bảo vệ môi trường thiên nhiên. Luật nhân quả (Karma) đã được Phật giáo áp dụng trong truyền bá lối sống cân bằng giữa con người với các loài vật và môi trường tự nhiên đã tạo nên sự phát triển bền vững cho nhiều vùng sinh thái xung quanh ngôi chùa Khmer ở Nam Bộ.

Theo quan điểm của nhà nhân học Mỹ Julian Steward, sinh thái văn hóa (Cultural Ecology) là cách con người sử dụng văn hóa để thích nghi với môi trường thiên nhiên cụ thể trong bối cảnh nền văn hóa của họ⁴. Các xã hội có công nghệ kỹ thuật càng thô sơ thì càng phụ thuộc vào tự nhiên. Từ quan điểm của Julian Steward, có thể thấy, xã hội người Khmer ở Nam Bộ không thuộc xã hội công nghệ hiện đại, nên rất thích hợp với bảo vệ môi trường theo phương thức sinh thái học Phật giáo.

2. Bảo vệ nguồn nước nhìn từ sinh thái học Phật giáo

Người Khmer là cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, nên đối với họ, nước là biểu trưng cho mạch sống thiêng liêng mà thần linh đã ban tặng cho con người. Nước được lưu giữ trong các dòng sông, hồ nước thiêng (Baray) do rắn thần Naga canh giữ và ban phát cho con người. Naga

(Niek trong tiếng Khmer) là linh vật thân cận nhất của Đức Phật, xuất hiện trong suốt cuộc đời hành đạo và nhập diệt của Ngài. Hình tượng rắn Naga ba đầu được người Khmer tin là con vật làm mưa của thần Phra In (Indra) trên thiên giới.

Vì xem nước là nguồn sống thiêng liêng, nên người Khmer ở Nam Bộ chỉ dựng nhà sàn trên mặt đất, nghiêm cấm việc dựng nhà hay làm chỗ cư trú trên đầu nguồn của các dòng sông và trên sông rạch. Nguyên tắc này nhằm tránh làm bẩn nguồn nước sinh hoạt của cộng đồng. Người Khmer xem nước là thiêng liêng, nên tục vẩy nước chúc phúc trong các nghi lễ của nhà chùa luôn được chú trọng nhằm cầu mong an lạc, thái bình, tai qua nạn khỏi cho Phật tử. Trong các lễ hội Ok Om Bok hay Chol Chnam Thmay, người Khmer dùng nước thiêng tắm sư sãi và người lớn tuổi trong gia đình để tạ ơn Tam bảo cũng như đáng sinh thành.

Trong số các nghi thức của Lễ hội Ok Om Bok, đồng bào Khmer ở Nam Bộ luôn tổ chức đua ghe ngo. Đây cũng là hành động tôn vinh nước gắn liền với sự tích về Đức Phật và rắn thần Naga canh giữ thủy cung. Bên cạnh nghi lễ thả đèn gió nhằm tống tiễn mùa mưa và làm sạch không trung, nghi lễ thả đèn nước (Loi Phratip) được đồng bào Khmer thực hiện nhằm tạ lỗi với nguồn nước, vì trong cuộc sống con người đã vô tình làm ô ứ nguồn nước. Trong lễ thả đèn gió và đèn nước, nhiều bài tụng được Acha (Pháp sư) đại diện cộng đồng đọc lên thể hiện việc tạ ơn mặt đất, nguồn nước và cầu mong các vị nhiên thần tha thứ lỗi lầm của con người⁵.

Sau bài tụng, người dân đưa đèn nước ra sông suối, kênh rạch, ao hồ gần chùa rồi thả xuống. Như vậy, nghi thức thả đèn nước phản ánh ý nghĩa nhân văn cao đẹp của người Khmer ở Nam Bộ, thể hiện văn hóa ứng xử với nguồn nước. Việc thiêng hóa nguồn nước góp phần tăng cường ý thức của người Khmer trong việc bảo vệ nguồn sống của cộng đồng.

3. Bảo vệ đất đai nhìn từ sinh thái học Phật giáo

Người Khmer quan niệm, đất đai xung quanh ngôi chùa là đất thiêng, được cai quản bởi thần Mẹ Đất (Prah Thorni). Truyền thuyết mô tả bà là một nữ nhân xinh đẹp có thân thể duyên dáng với mái tóc dài óng ả biểu trưng cho sông suối trên mặt đất. Bà canh giữ vùng đất thiêng của ngôi chùa. Truyền thuyết cho rằng, bà dùng pháp lực để bảo vệ công trạng tu hành của Đức Phật khi dùng đôi tay vắt mái tóc của mình thành một dòng suối cuối trời lũ âm binh của quỷ vương Mara đang quấy phá Ngài. Trong 49 ngày thiên định để tìm chân lý cứu thế, có lần Đức Phật bị ba

người con gái của Mara đến khuyến dụ bằng nhan sắc, nên Ngài đã nhờ nữ thần Prah Thorni chứng quả bằng cách trở ngón tay xuống đất. Trong chùa Khmer ở Nam Bộ, hình tượng nữ thần Prah Thorni thường được dựng trên ngôi tháp đầu tiên đối diện với chính điện (Vihara) nhằm canh gác đất đai ngôi chùa và chứng nhận đắc quả của Đức Phật.

Vì quan niệm đất đai của ngôi chùa là đất thiêng, nên trong cuộc sống, người Khmer luôn tránh mọi xâm hại đến đất đai của ngôi chùa bằng bất cứ hình thức nào. Ở những ngôi chùa có người Khmer sống xung quanh, như trường hợp chùa Quy Nông, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, Phật tử khi dựng nhà luôn giữ một khoảng cách tách biệt với phần đất của ngôi chùa để tránh làm ô uế đến đất thiêng hay gây ảnh hưởng đến cuộc sống tu hành của sư sãi. Người Khmer sống quanh ngôi chùa luôn tự ý thức về vấn đề vệ sinh như không rải rác, xây nhà vệ sinh, xây chuồng gia súc, gia cầm hoặc đào đường thoát nước hướng về phần đất của ngôi chùa. Họ cũng không bao giờ săn bắt các loại động vật, chim chóc sống trong khuôn viên của vùng đất thiêng. Theo quan niệm của người Khmer, nếu làm hại đến đất đai hay săn đuổi thú vật cư ngụ quanh chùa, người sống sẽ gặp phải những tai ương trong cuộc đời, còn người chết sẽ không lên được cõi Niết Bàn (Niek Phan), tức con người sẽ phải trả giá cho mọi hành động tốt xấu của mình, gọi chung là nghiệp báo. Tất cả hành vi tốt xấu của Phật tử trong ứng xử với đất đai sẽ được nữ thần Prah Thorni quy chứng, cũng như Đức Phật nhờ vị nữ thần này chứng quả cho mình khi Ngài bị đấm con gái của Mara quấy phá.

Xuất phát từ quan điểm Phật giáo nêu trên, nên việc bảo vệ đất đai và thành quả của ngôi chùa luôn được Phật tử Khmer xem trọng. Trong nhiều năm khảo sát thực địa tại những địa phương có đông người Khmer sinh sống ở các huyện Trà Cú, Cầu Kè, Cầu Ngang, Châu Thành của tỉnh Trà Vinh, chúng tôi chưa bao giờ chứng kiến hay nghe kể về trường hợp Phật tử Khmer nào đó chiếm dụng đất đai của ngôi chùa làm chỗ ở.

4. Bảo vệ cây cối nhìn từ sinh thái học Phật giáo

Ngoài đất đai, cây cối trong khuôn viên ngôi chùa cũng là đối tượng được người Khmer bảo vệ nghiêm ngặt về mặt tâm linh. Vũ trụ luận Phật giáo xem ngôi chùa là biểu tượng của ngọn Tudi sơn, là trung tâm của Tam giới và là nơi mà Đức Phật đang hành trì thuyết pháp. Bao quanh ngọn Tudi sơn là khu rừng thần Himaphan, dùng làm nơi tu hành lý tưởng của 18 vị La Hán (Arhat) và những loài linh vật nhiều quyền năng.

Do xung quanh ngôi chùa là cảnh quan của khu rừng Himaphan, nên cây cối phải để cho mọc tự nhiên. Đôi khi, sư sãi Khmer trồng thêm một số loại cây quý cho đẹp mắt hay để sau này lấy gỗ trùng tu ngôi chùa. Theo quan niệm của người Khmer, cây to là nơi ở của thần linh và linh hồn người quá cố. Người Khmer theo tục hỏa táng, những lò thiêu dựng ngay trong khuôn viên nhà chùa. Khi thân xác thành tro bụi, linh hồn được tin là sẽ bay lên cư ngụ trên các tán cây, hằng ngày phải thức dậy nghe kinh và hưởng phúc từ việc cúng dường chư tăng của những người thân còn sống. Linh hồn người chết không bao giờ dám đến chính điện, vì nơi đó được trấn giữ bởi tám vị đại thần linh thần thông quảng đại có tên gọi chung là Hộ Thế Bát Phương Thiên (Dikpalaka trong Bà La Môn giáo). Hộ Thế Bát Phương Thiên là tám vị thần trấn trị bốn phương tám hướng bảo vệ ngọn Tudi sơn trên thiên giới của Phật giáo. Bất kỳ một siêu linh nào, dù có pháp lực mạnh đến đâu, cũng không thể chống nổi uy lực của tám vị thiên vương này. Trong kiến trúc chùa Khmer, Hộ Thế Bát Phương Thiên được thể hiện bằng tám trụ giới Sima bao quanh chính điện, đánh dấu biên giới của thiên giới nơi mà linh hồn không thể vào.

Như vậy, do quan niệm về nơi cư trú của linh hồn và thần linh cấp thấp, nên Phật tử Khmer đến chùa chủ yếu để thỉnh pháp của chư tăng, chiêm bái Đức Phật và thư giãn, không ai dám tàn phá cây cối dù là bẻ cành cây hay một đóa hoa. Điều này khác với thói quen hái hoa, bẻ cành tại các ngôi chùa và những cơ sở thờ tự khác của cộng đồng người Việt theo tục xin lộc đầu năm lấy may mắn. Thói quen này góp phần vào việc tàn phá môi trường sinh thái xung quanh những ngôi chùa Việt, nhất là những cơ sở tại khu vực đô thị.

Có thể nói, quan điểm tâm linh kết hợp với những việc làm thiết thực của giới Phật giáo Nam tông Khmer đã góp phần quan trọng trong việc bảo vệ môi trường cảnh quan, nhất là cảnh quan xung quanh ngôi chùa. Sự tiếp nối của công việc bảo tồn thiên nhiên luôn được duy trì qua nhiều đời sư sãi đã tạo dựng nên một cảnh quan vô cùng đẹp mắt ở nhiều ngôi chùa Khmer tọa lạc tại khu vực Nam Bộ. Mặc dù nằm giữa khu vực đô thị và phải chịu áp lực của công cuộc đô thị hóa, nhưng nhiều ngôi chùa Khmer tồn tại như những khu bảo tồn thiên nhiên giữa lòng thành phố. Ý thức tạo dựng cảnh quan môi trường cùng với việc cấm sát sinh đã làm cho khuôn viên ngôi chùa Khmer trở thành nơi cư trú lý tưởng cho các loài chim, dơi, côn trùng và muôn vật, như trường hợp của Chùa Hang, hay sự hòa quyện giữa công trình kiến trúc cổ với môi cảnh tuyệt đẹp của

rừng cây đại thụ như Chùa Ăng và chùa Samrong Ek, tỉnh Trà Vinh. Xét về mặt di sản, năm ngôi chùa Khmer ở tỉnh Trà Vinh mà chúng tôi khảo sát đều đạt những tiêu chí theo quy định của ngành văn hóa về không gian môi trường, khu vực bảo vệ và đặc trưng kiến trúc của di tích.

5. Nghệ thuật tạo hình nhìn từ sinh thái học Phật giáo

Vấn đề tạo dựng không gian nghệ thuật của các ngôi chùa Khmer ở Nam Bộ luôn được chú trọng nhằm giáo dục Phật tử về tình yêu thiên nhiên và việc tôn trọng sự sống của muôn loài. Nghệ thuật tạo hình trong các ngôi chùa Khmer thể hiện môi trường bằng các loại hình hoa cỏ, cây cối và muông thú. Những loài cây và hoa được dùng làm vật trang trí xung quanh tường rào và trên bệ của các pho tượng Đức Phật Thích Ca biểu tượng sự trường tồn của Phật giáo: hoa sen biểu trưng cho sự giác ngộ của Đức Phật, hoa/ cây Sala biểu trưng cho Đức Phật nhập diệt và cây Bồ Đề (Bodddhi) biểu trưng cho Đức Phật thành đạo. Tuy chỉ có ba loài hoa và cây, nhưng chúng được thể hiện cách điệu với hàng trăm mô típ nghệ thuật khác nhau: thể hiện bằng nghệ thuật điêu khắc và hội họa, thể hiện cùng với Đức Phật và chư thần, trang trí trên thân thể của linh vật, trên tường rào và đế tháp, thể hiện đơn lẻ, thể hiện cách điệu, tất cả tạo nên một bức tranh cây hoa vô cùng sinh động bao phủ ngôi chùa. Ngoài ra, điểm đặc sắc nhất của nghệ thuật Phật giáo Nam tông Khmer là bích họa (Mural Painting) vẽ trên chính điện mô tả cuộc đời của Đức Phật, từ lúc Ngài đản sinh tại vườn Lâm Tỳ Ni (Lumbini) cho đến lúc nhập diệt tại rừng Sala ở Câu Thi Na (Kusinagara). Các bức vẽ đều mô tả môi trường tự nhiên nơi Đức Phật đang ôm bình bát hóa duyên trên con đường đầy hoa cỏ, hay ngồi thuyết pháp giữa rừng cây cổ thụ được bản địa hóa từ cảnh quan của tỉnh Trà Vinh như Ao Bà Ôm theo cách hiểu của người Khmer.

Bên cạnh đó, linh vật là loại hình mô tả về sự sống của muôn loài và duyên giác ngộ của loài vật trong cõi Tam giới. Những linh vật trong chùa Khmer có thể chia làm ba loại: linh vật trên không gồm đại bàng Krut, tiên nữ nửa người nửa chim Kaynori, thiên nga Hamsa và chim công; linh vật trên đất gồm voi thần Airavata, sư tử Simha, khỉ thần Hanuman và Gajasimha là linh vật nửa voi nửa sư tử; linh vật dưới nước gồm cá sáu, thủy quái Makara và rắn thần Naga. Những linh vật trên được tin là đại diện cho muôn loài. Chúng tu hành đắc quả nên được dựng tượng xung quanh ngôi chùa để hộ trì Phật pháp. Khi Phật tử đến

chùa thường chạm tay vào thân thể chúng rồi xoa lên đầu, thân thể hoặc xin dây Càtha có thể bài khắc hình ảnh của chúng để đeo trên cổ tránh bị tà ma làm hại. Các linh vật cũng là vua của muôn loài và thiên nhiên. Chúng sẽ bảo vệ cuộc sống của những loài vật sống trong khuôn viên hoặc xung quanh ngôi chùa, nên những ai săn bắn sẽ bị chúng trừng phạt.

Các bức vẽ trên bờ tường phía sau bàn thờ Phật trong chính điện chùa Ông Met cho thấy cảnh Địa Ngục đọa đầy người khi còn sống săn bắn những loài vật có căn tu hành. Việc mô tả các loài linh vật xung quanh chính điện các ngôi chùa Khmer vừa biểu trưng cho tư tưởng từ bi xem muôn loài đều có Phật tính, vừa là cách giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, tôn trọng sự sống của các loài vật mà Phật giáo cho rằng, chúng đều mang đến lợi ích thiết thực cho cuộc sống của con người như rắn thần Naga làm mưa cứu nhân độ thế, Krut là Mặt Trời ban ánh sáng cho con người, voi giúp người chuyên chở và bảo vệ đất đai lãnh thổ nơi con người sinh sống, cá sấu đầu lưng thành cầu cho sư sãi đi khát thực... Truyền thuyết liên quan đến các loài vật nhằm giáo dục Phật tử luôn mang đến lợi ích cho con người, giúp con người yêu thương và tôn trọng sự sống của muôn loài. Nếu con người tàn phá tự nhiên, tận diệt các loài vật vì mục đích kinh tế, họ sẽ nhận nghiệp báo trong kiếp đời hiện tại hoặc tương lai.

6. Kết luận

Môi trường phản ánh qua quan niệm tâm linh và Phật thoại đồng thời thể hiện bằng những việc làm thiết thực bảo vệ cây cối và muôn vật sinh sống trong khuôn viên các ngôi chùa và trong phum sóc của người Khmer ở Nam Bộ. Trong lĩnh vực mỹ thuật, các tác phẩm trang trí trong ngôi chùa Khmer luôn thể hiện các chủ đề liên quan đến cảnh quan môi trường như những biểu tượng điêu khắc, tranh vẽ tường, được giải thích bằng truyền thuyết dân gian hay Phật thoại nói về các loài cây cỏ và linh vật. Tất cả nhằm giáo dục Phật tử tình yêu thương muôn loài, tôn trọng tự nhiên và những gì thiên nhiên ban tặng cho con người. Phật giáo luôn nói đến nghiệp báo đang chờ đợi những ai không tôn trọng sự sống của muôn loài. Đó là phương thức giáo dục sinh thái học tâm linh để con người sống hướng thiện hơn, trách nhiệm hơn với cộng đồng và môi trường tự nhiên xung quanh./

CHÚ THÍCH:

- 1 Phạm Huỳnh Phương, Hoàng Cẩm (2013), *Một số khuynh hướng lý thuyết nghiên cứu văn hóa và các hướng tiếp cận nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội: 145.
- 2 Phạm Huỳnh Phương, Hoàng Cẩm (2013), *Một số khuynh hướng lý thuyết nghiên cứu văn hóa và các hướng tiếp cận nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, tldd: 145.
- 3 Phạm Huỳnh Phương, Hoàng Cẩm (2013), *Một số khuynh hướng lý thuyết nghiên cứu văn hóa và các hướng tiếp cận nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, tldd: 145.
- 4 Phan Thị Yến Tuyết (2010), “Tâm thức ứng xử với nước của người Khmer qua lễ hội Ok Om Bok: tiếp cận sinh thái văn hóa”, *Tin Khoa học*, Đại học Trà Vinh, số 7: 30.
- 5 Phan Thị Yến Tuyết (2010), “Tâm thức ứng xử với nước của người Khmer qua lễ hội Ok Om Bok: tiếp cận sinh thái văn hóa”, tldd: 29.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngọc Anh (2002), *Các hình thức thờ cúng của bộ lạc*, Nxb. Văn hoá Dân tộc.
2. Chân Nguyên Nguyễn Tường Bách (1999), *Tự điển Phật học*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
3. Jean Chevalier (1997), *Tự điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb. Đà Nẵng.
4. Mai Ngọc Chừ (2001), *Văn hóa Đông Nam Á*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Will Durant (Nguyễn Hiến Lê dịch, 2002), *Lịch sử văn minh Ấn Độ*, Nxb. Văn hóa Thông tin.
6. Cao Huy Đình (2003), *Tìm hiểu văn hóa Ấn Độ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Robert E. Fisher (Huỳnh Ngọc Trảng dịch, 2002), *Mỹ thuật và kiến trúc Phật giáo*, Nxb. Mỹ thuật.
8. Lê Hương (1974), *Người Việt gốc Miên*, Nxb. Thanh niên, Sài Gòn.
9. Lê Hương (1974), *Sử liệu Phù Nam*, Nxb. Thanh niên, Sài Gòn.
10. Trần Thị Lý (1984), “Tượng Đức Phật ngồi trên rắn Naga trong điêu khắc Campuchia”, *Văn hóa Dân gian*, số 3.
11. Trần Thị Lý (1991), *Tượng tròn Campuchia*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
12. L. Malleret (1959), *Khảo cổ học Đồng bằng sông Cửu Long, tập I*, bản dịch của Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Hà Nội.
13. L. Malleret (1959), *Khảo cổ học Đồng bằng sông Cửu Long, tập II*, bản dịch của Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Hà Nội.
14. L. Malleret (1962), *Khảo cổ học Đồng bằng sông Cửu Long, tập III*, bản dịch của Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Hà Nội.
15. Cao Xuân Phổ (1994), “Văn hóa biển Đông Nam Á”, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4.
16. Phạm Huỳnh Phương, Hoàng Cẩm (2013), *Một số khuynh hướng lý thuyết nghiên cứu văn hóa và các hướng tiếp cận nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
17. Châu Đạt Quan (Lê Hương dịch, 1973), *Chân Lạp phong thổ ký*, Nxb. Nguyễn Thiều, Sài Gòn.
18. Geetesh Sharma (Thích Minh Trí dịch, 2012), *Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.
19. Ngô Đức Thịnh, “Cái nhìn mới của các nhà nghiên cứu tôn giáo hiện nay”, *Thế thao Văn hóa*, ngày 11/12/1998.

20. Lương Duy Thứ chủ biên (1996), *Đại cương văn hóa Phương Đông*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
21. Phan Thị Yên Tuyết (2010), “Tâm thức ứng xử với nước của người Khmer qua lễ hội Ok Om Bok: tiếp cận sinh thái văn hóa”, *Tin Khoa học*, Đại học Trà Vinh, số 7.
22. Phan Thị Yên Tuyết (2012), “Tâm thức ứng xử với biển của người Khmer Nam Bộ qua lễ hội Phước Biển (Chroi Rumchek): tiếp cận sinh thái văn hóa”, *Khoa học Xã hội*, tháng 4.
23. Phan Anh Tú (2004), “Truyền thuyết về rắn Naga trong văn hóa Khmer”, *Dân tộc và Thời đại*, số 71: 2 - 4.
24. Phan Anh Tú (2005), “Hình tượng rắn Naga trong văn hóa Ấn Độ giáo”, *Dân tộc và Thời đại*, số 80: 13 - 16.
25. Phan Anh Tú (2005), “Nghệ thuật điêu khắc cổ Đông Dương”, *Xưa & Nay*, số 238: 55 - 60.
26. Phan Anh Tú (2006), “Quan hệ giữa sử thi Phá Đeng Nang Ay và truyền thuyết Pháyá Khăn Khác (Chúa Cóc) với lễ hội Bun Băng Phay của người Lào”, trong *Kỷ yếu Hội thảo Văn học Lào*, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: 36 - 42.
27. Phan Anh Tú (2013), “Điêu khắc Hộ Thế Bát Phương Thiên (Dikpalaka) từ Ấn Độ đến Đông Nam Á”, *Khoa học Xã hội*, số 10.
28. Trần Quốc Vượng (1989), “Tôn giáo và văn hóa”, *Người Công giáo Việt Nam*, Xuân Kỷ Ty.

Abstract

BEHAVIOUR TOWARDS THE NATURAL ENVIRONMENT OF THE KHMER PEOPLE IN SOUTHERN VIETNAM: VIEWED FROM THE BUDDHIST ECOLOGY

The relationship between human and the environment has been interested by the Western scholars since ancient times. The Greek historian, Herodotus, reported the transformation of the environment under the action of man with the concept of intervention in the vast range that human caused for nature would bear the punishment of God. In the study of culture, the natural environment has always been a focus, as it might affect the formation and development of the culture of the peoples, contribute to make a clear distinction between this region with other regions. Recognizing the importance of the environment in the ecological balance of human life, Buddhism soon advocated to harmonize religion with the natural environment. The harmoniousness played an important role in the formation and development of special culture with the deeply traditional religion of the Khmer people in southern Vietnam.

Key words: The Khmer people, southern Vietnam, Buddhist ecology, environment.